

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

ĐỀ ÁN

Xây dựng trường trung học cơ sở Triệu Thị Trinh thành trường chất lượng cao huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

**Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ**

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

Trong những năm gần đây, thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Triệu Sơn đã tập trung chỉ đạo và tạo mọi điều kiện cho ngành giáo dục huyện nhà phát triển. Chất lượng giáo dục đại trà được nâng lên, chất lượng giáo dục mũi nhọn được duy trì. Kết quả dự thi học sinh giỏi của huyện luôn xếp từ thứ 5 đến thứ 7 trong tỉnh (từ năm học 2012-2013). Mạng lưới trường lớp hiện nay trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cấp trung học cơ sở (THCS) cơ bản đảm bảo về số lượng, cơ cấu và chất lượng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư xây dựng và bổ sung theo hướng chuẩn hóa. Công tác xã hội hóa, công tác khuyến học được quan tâm. Phong trào học tập ở các địa phương trên địa bàn huyện phát triển rộng khắp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của ngành giáo dục.

Mặc dù được sự quan tâm, đầu tư của các cấp ủy đảng, chính quyền nhưng chất lượng giáo dục chưa có sự bứt phá, chưa tương xứng với tiềm năng, nội lực của huyện. Một trong những lý do chất lượng giáo dục chưa có sự bứt phá là huyện chưa có trường trọng điểm chất lượng cao làm nòng cốt tạo sự lan tỏa để nâng cao chất lượng giáo dục theo quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Quyết định 986/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 đã nêu rõ: Duy trì và phát triển hệ thống trường trung học chất lượng cao giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến năm 2030, đảm bảo mỗi huyện có một trường THCS chất lượng cao.

Thị trấn Triệu Sơn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện, là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi để tăng cường đầu tư nguồn lực xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng mục tiêu giáo dục trong thời kỳ mới. Tuy nhiên, trường THCS Triệu Thị Trinh đặt tại Thị trấn Triệu Sơn chưa đạt chuẩn quốc gia, còn khó khăn về cơ sở vật chất, đội ngũ, nên chất lượng giáo dục còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh.

Vì vậy, xây dựng trường THCS Triệu Thị Trinh thành trường trọng điểm, chất lượng cao huyện Triệu Sơn là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục;

Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Thông tư số 03/2019/VBHN-BGDĐT ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông;

Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Quyết định số 986/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI;

Chỉ thị số 06-CT/HU của Ban chấp hành Đảng bộ huyện ngày 06/3/2016 về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Nghị quyết số 05-NQ/HU của Ban chấp hành Đảng bộ huyện ngày 28/9/2020 ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của UBND huyện Triệu Sơn.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN TRIỆU SƠN VÀ TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH

I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC CẤP THCS HUYỆN TRIỆU SƠN

1. Quy mô mạng lưới trường lớp, học sinh

Hệ thống các trường THCS trên địa bàn huyện Triệu Sơn sau khi thực hiện sắp xếp theo Quyết định 5308/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh đến nay cơ bản đã ổn định. Hằng năm số lượng học sinh của huyện có xu hướng tăng lên. Hiện nay toàn huyện có 06 trường TH&THCS, 29 trường THCS. Tổng số lớp 328 với 11.165 học sinh.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên và nhân viên cấp THCS cơ bản đáp ứng về số lượng, cơ cấu và chất lượng. Năm học 2020-2021 toàn huyện có 696 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (cán bộ quản lý: 64 người, giáo viên: 596 người, nhân viên: 36 người). Trong đó:

- Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn: 64 người, đạt tỉ lệ 100%, trong đó trên chuẩn 02 người đạt tỉ lệ 3,13%.

- Giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn là: 512 người, đạt tỉ lệ 85,9%, trong đó trên chuẩn 9 người đạt 1,51%; giáo viên có trình độ chưa đạt chuẩn: 84 người, chiếm tỉ lệ 14,1%.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Năm học 2020-2021, toàn cấp THCS có 367 phòng học. Trong đó, phòng học kiên cố và bán kiên cố 365 phòng, đạt tỉ lệ 99,45%; phòng học tạm 2 phòng, chiếm tỉ lệ 0,55%; có 83 phòng học bộ môn, trong đó phòng học kiên cố và bán kiên cố đạt tỉ lệ 100%; có 55 phòng thí nghiệm thực hành, trong đó phòng học kiên cố và bán kiên cố tỉ lệ đạt 100%.

Tính đến tháng 6/2021, cấp THCS có 29/35 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 80,56%. Tuy nhiên chưa có trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

4. Chất lượng giáo dục

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực của học sinh năm học 2020-2021:

- + Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,55%, hạnh kiểm trung bình chiếm 0,45%, không có học sinh hạnh kiểm yếu, kém.

- + Học sinh có học lực khá, giỏi trên 54,66%; tỉ lệ học sinh có học lực yếu, kém dưới 5,5%.

- Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2020-2021: tổng số giải đạt được: 57 giải (tỉ lệ đạt giải 63,33%). Trong đó có 07 giải nhì, 17 giải ba và 33 giải khuyến khích, xếp thứ 7 toàn tỉnh.

II. THỰC TRẠNG TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH

1. Số lớp, số học sinh

Trường THCS Triệu Thị Trinh có quy mô lớp và học sinh lớn nhất trong các trường cấp THCS huyện Triệu Sơn. Cụ thể:

Năm học 2020-2021 có 16 lớp, mỗi khối 4 lớp. Tổng số học sinh là 648 em; bình quân 40 học sinh/ lớp.

2. CBQL, giáo viên và nhân viên

- Tổng số cán bộ, giáo viên: 34 người (cán bộ quản lý: 03 người, giáo viên: 29 người, nhân viên: 02 người).

3. Chất lượng giáo dục và chất lượng đội ngũ

3.1. Chất lượng giáo dục

- Chất lượng đạo đức: Số lượng học sinh đạt hạnh kiểm khá, tốt hằng năm đạt từ 90% trở lên.

- Chất lượng học lực: Tỉ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi hằng năm đạt từ 75% trở lên.

- Tốt nghiệp THCS: luôn đạt 100%, trong đó loại khá, giỏi từ 95% trở lên.

- Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT: Từ năm 2015 đến nay tỷ lệ đỗ vào các trường THPT luôn đạt 100%.

- Kết quả thi học sinh giỏi năm học 2020-2021:

+ HSG cấp huyện: tổng số giải 22, xếp thứ 3 toàn huyện.

+ HSG cấp tỉnh: 04 giải, xếp thứ 5 toàn huyện. *(Chi tiết kèm theo phụ lục 1)*

3.2. Chất lượng đội ngũ

- Cán bộ quản lý có trình độ đạt chuẩn (đại học): 3 người, đạt tỉ lệ 100%.

- Giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn: 23 người, trong đó trên chuẩn (thạc sĩ) 02 người đạt tỉ lệ 6,9%, giáo viên có trình độ đạt chuẩn 21 người đạt tỉ lệ 72,42%, chưa đạt chuẩn: 06 người, chiếm tỉ lệ 20,68%.

- Giáo viên tham gia trực tiếp bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hóa của huyện: 01 người (trong tổng số 27 giáo viên tham gia dạy đội tuyển của huyện).

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

4.1. Diện tích: 5970 m²

4.2. Khối phòng

+ 02 dãy nhà 2 tầng có tổng 14 phòng học và 02 phòng học thuộc dãy nhà cấp 4.

- + 01 khu hiệu bộ gồm 5 phòng.
- + Khu nhà cấp 4 còn lại 03 phòng làm phòng chức năng.

4.3. Trang thiết bị dạy, học

Trang thiết bị dạy, học của nhà trường còn thiếu so với tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn quốc gia và so với nhu cầu phục vụ dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục.

(Chi tiết kèm theo phụ lục 2, phụ lục 3)

III. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

Chất lượng giáo dục toàn diện đã được nâng lên, tuy nhiên vẫn chưa đồng đều ở các trường, nhất là các xã miền núi, các xã có điều kiện kinh tế khó khăn. Chất lượng giáo dục mũi nhọn chưa có bước tiến đột phá tương xứng với tiềm năng của Ngành Giáo dục Triệu Sơn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số nhà trường còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu phục vụ dạy học nâng cao chất lượng giáo dục theo yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

Riêng đối với trường THCS Triệu Thị Trinh: Một số cán bộ giáo viên có trình độ chưa đạt chuẩn, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của giáo dục, đặc biệt số giáo viên có đủ năng lực tham gia công tác bồi dưỡng đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp tỉnh còn ít. Kết quả bồi dưỡng HSG cấp tỉnh chưa phát huy hết tiềm năng của ngôi trường ở khu vực trung tâm về chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện. Một số hạng mục cơ sở vật chất xuống cấp, phương tiện, thiết bị dạy học hiện tại chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Nguyên nhân

Cán bộ quản lý ở một số đơn vị còn chậm đổi mới, năng lực thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo còn hạn chế. Một bộ phận giáo viên chưa hăng say, tâm huyết với nghề, có tâm lý ngại đổi mới phương pháp dạy học.

Huyện chưa có mô hình trường THCS trọng điểm, chất lượng cao trực thuộc huyện làm mô hình học tập cho các trường THCS trên địa bàn huyện và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tạo nguồn, bồi dưỡng học sinh giỏi.

Riêng đối với trường THCS Triệu Thị Trinh, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cơ sở vật chất, chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng.

Phần thứ ba

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1.1. Giai đoạn 2021-2025

Xây dựng trường THCS Triệu Thị Trinh - Huyện Triệu Sơn đến năm 2025 thành trường trọng điểm, chất lượng cao đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức 3; đảm bảo có cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện đại, đội ngũ CBQL, giáo viên nhiệt huyết với nghề, có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi; đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, tạo nguồn cho trường THPT chuyên và các lớp chất lượng cao của các trường THPT trong huyện; là nòng cốt trong thực hiện bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và công tác nghiên cứu khoa học; là mô hình điểm tạo sức lan toả, ảnh hưởng tích cực đến các trường trên địa bàn huyện để triển khai đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29/NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XI. Góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn theo mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ XVIII đề ra.

1.2. Định hướng đến năm 2030

Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, nâng cao chất lượng đội ngũ, duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức 4. Chất lượng giáo dục thuộc tốp đầu các trường THCS trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2021-2025

2.1.1. Quy mô trường lớp, CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh

* Số lớp, số học sinh:

- Năm học 2021-2022: Trường THCS Triệu Thị Trinh có 18 lớp với hơn 700 học sinh, trong đó có 03 lớp chất lượng cao và 13 lớp đại trà. Cụ thể:

+ Khối lớp 6: Tuyển mới 05 lớp, trong đó 03 lớp đại trà (tuyển sinh học sinh khu vực Thị trấn Triệu Sơn), 02 lớp chất lượng cao tuyển sinh trên địa bàn toàn huyện.

+ Khối lớp 7: Tuyển mới 01 lớp chất lượng cao trên địa bàn huyện, giữ nguyên 04 lớp đại trà.

+ Khối lớp 8, 9: mỗi khối giữ nguyên 04 lớp đại trà.

Các năm học tiếp theo, trường tuyển sinh 04 lớp chất lượng cao khối 6, các khối khác giữ nguyên. Khi UBND Thị trấn Triệu Sơn hoàn thành xây dựng cơ sở mới cho trường THCS Tô Vĩnh Diện với quy mô đảm bảo tiếp nhận giáo viên, học sinh dạy, học ở các lớp đại trà về trường THCS Tô Vĩnh Diện, Trường THCS Triệu Thị Trinh tuyển sinh bổ sung các khối lớp đảm bảo quy mô 16 lớp, mỗi khối có 04 lớp chất lượng cao với hơn 600 học sinh (dự kiến thực hiện vào năm học 2022-2023).

(Chi tiết ở phụ lục 4, phụ lục 5 kèm theo)

* CBQL, giáo viên và nhân viên:

- Năm học 2021-2022:

+ Xét tuyển 02 cán bộ quản lý đảm bảo tiêu chí về trường, gồm 01 hiệu trưởng và 01 hiệu phó.

+ Xét tuyển, điều động 5 giáo viên đảm bảo tiêu chí về dạy các lớp chất lượng cao.

- Đến năm học trường THCS Tô Vĩnh Diện có quy mô đảm bảo tiếp nhận học sinh đại trà của Thị trấn về học tại trường THCS Tô Vĩnh Diện, Trường THCS Triệu Thị Trinh - Huyện Triệu Sơn ổn định với 34 biên chế, gồm: 02 CBQL, 30 giáo viên (trong đó có 01 giáo viên phụ trách đoàn đội) và 02 nhân viên.

2.1.2. Về chất lượng giáo dục và chất lượng đội ngũ

- Chất lượng giáo dục

+ 100% học sinh của trường xếp loại đạo đức khá và tốt (loại tốt đạt ít nhất 80%), xếp loại học lực khá và giỏi từ 90% trở lên.

+ 100% học sinh được bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học, kỹ năng sống.

+ Tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%, tỉ lệ học sinh đậu vào lớp 10 các trường THPT đạt 100%.

+ Đến năm 2025 kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh phân đấu xếp top 10 các trường THCS trong toàn tỉnh.

+ Đến năm 2025 thi học sinh giỏi cấp huyện xếp thứ nhất, nhì trong khối THCS của huyện.

- Chất lượng đội ngũ đến năm học 2024- 2025

+ Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đảm bảo yêu cầu của trường chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức 3.

+ 100% giáo viên nhà trường có trình độ đạt chuẩn trở lên trong đó trên chuẩn đạt ít nhất 10%; 100% giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện trở lên. Đảm bảo 100% giáo viên dạy các môn thi học sinh giỏi tỉnh đáp ứng yêu cầu của công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của huyện.

2.1.3. Về cơ sở vật chất

- Đến tháng 11 năm 2022: xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng mức 2.

- Đến năm 2024 cơ sở vật chất đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức 3.

(Các hạng mục xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị và phân kỳ đầu tư chi tiết ở phụ lục 6 và phụ lục 7 kèm theo)

2.2. Định hướng đến năm 2030

- Đảm bảo duy trì quy mô nhà trường 16 lớp với hơn 600 học sinh, tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, tiến tiến để được công nhận lại là

trường chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng mức 4.

- Chất lượng giáo dục thuộc tốp đầu trong toàn tỉnh, học sinh trường THCS Triệu Thị Trinh tham gia đội tuyển học sinh giỏi của huyện đạt từ 50% trở lên.

- Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đạt ít nhất 20%; giáo viên giỏi cấp tỉnh đạt 50%; đảm bảo duy trì 100% giáo viên đáp ứng yêu cầu của công tác bồi dưỡng học sinh giỏi của huyện.

- Có đủ phòng học và các điều kiện về CSVC đáp ứng công tác bồi dưỡng tập trung cho 09 đội tuyển học sinh giỏi các môn văn hoá của huyện thi tỉnh.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác tuyển sinh

Trong năm học 2021-2022, thực hiện phân luồng tuyển sinh để đảm bảo quy mô, số lớp, số học sinh Trường THCS Triệu Thị Trinh theo mục tiêu đề án; đảm bảo nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn thị trấn được học tại trường THCS Triệu Thị Trinh và trường THCS Tô Vĩnh Diện; đồng thời tạo điều kiện cho học sinh giỏi ở các xã khác có nguyện vọng về học tập tại trường THCS Triệu Thị Trinh.

Xây dựng tiêu chí tuyển sinh vào các lớp chất lượng cao khối lớp 6:

- Là học sinh trên địa bàn huyện đã hoàn thành chương trình tiểu học trong độ tuổi quy định.

- Năm học lớp 5 các phẩm chất năng lực được đánh giá mức tốt.

- Bài kiểm tra định kỳ cuối học kỳ 2 năm lớp 5 đạt từ 8 điểm trở lên đối với các môn Toán, Tiếng Việt và Ngoại ngữ.

Tiêu chí tuyển sinh cho các lớp chất lượng cao khối lớp 7, 8, 9:

- Kết quả xếp loại năm học trước: Hạnh kiểm loại tốt, Học lực loại giỏi.

Phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn tuyển sinh hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa: kết hợp giữa xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL.

2.1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBQL, giáo viên và nhân viên

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBQL, giáo viên, nhân viên đảm bảo yêu cầu thực hiện mục tiêu đề án. Hàng năm rà soát, đánh giá những CBQL, giáo viên, nhân viên không đảm bảo theo yêu cầu sẽ xem xét điều động, bố trí phù hợp.

2.2. Tuyển chọn, điều động CBQL, giáo viên và nhân viên về công tác tại trường THCS Triệu Thị Trinh

2.2.1. Cán bộ quản lý

CBQL (Hiệu trưởng và Hiệu phó) tuyển chọn trong số cán bộ quản lý giáo dục của huyện có đủ điều kiện tiêu chuẩn theo quy định, có nhiều kinh nghiệm

và thành tích trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bồi dưỡng học sinh giỏi. CBQL được bổ nhiệm qua nhiều hình thức như thi tuyển, xét tuyển, điều động phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ theo mục tiêu của đề án.

2.2.2. Đội ngũ giáo viên và nhân viên

Hàng năm điều động, bổ sung giáo viên có năng lực chuyên môn giỏi, có nhiều kinh nghiệm và thành tích trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi dự thi cấp tỉnh (có phụ lục 8 kèm theo). Ưu tiên cho giáo viên cốt cán của huyện thường xuyên tham gia dạy đội tuyển học sinh giỏi. Tiếp tục tuyển chọn, điều động bổ sung để thay thế cho giáo viên về hưu, giáo viên không đảm bảo yêu cầu.

Hàng năm quy mô phát triển về số lớp học, số học sinh của trường THCS Tô Vĩnh Diện tăng lên, giáo viên và nhân viên đang dạy các lớp đại trà tại trường THCS Triệu Thị Trinh sẽ được điều động, bố trí công tác phù hợp về trường THCS Tô Vĩnh Diện và các trường THCS trên địa bàn huyện. Đảm bảo điều kiện để trường THCS Triệu Thị Trinh chỉ còn các lớp chất lượng cao và giáo viên đủ tiêu chuẩn dạy các lớp chất lượng cao theo mục tiêu đề án.

Tiêu chí tuyển xét tuyển, điều động bổ sung giáo viên về dạy các lớp chất lượng cao ngoài yêu cầu giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- Giáo viên có chuyên ngành phù hợp với môn xét tuyển, điều động; ưu tiên giáo viên có bằng thạc sỹ, bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi.
- Giáo viên có học sinh đạt giải ba trở lên trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia.
- Giáo viên có học sinh đạt giải nhất, nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện.

Khi xét tuyển có nhiều ứng viên đảm bảo tiêu chí trên thì ưu tiên giáo viên có nhiều thành tích hơn trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi. Theo thứ tự từ cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện và theo chất lượng, số lượng giải từ cao xuống thấp.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

3.1. Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà

Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, chú trọng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Ngoài học tập các môn văn hóa, tăng cường hướng dẫn học sinh kiến thức về tin học, ngoại ngữ; tham gia các hoạt động ngoại khóa; tăng cường giáo dục kỹ năng sống; bồi dưỡng các giá trị nhân văn, phẩm chất đạo đức học sinh qua hoạt động cộng

đồng và xã hội. Giao chỉ tiêu cụ thể hàng năm về chất lượng giáo dục đại trà gồm hạnh kiểm, học lực và điểm bình quân thi vào lớp 10 THPT, chỉ tiêu thi đậu vào các trường THPT chuyên để đánh giá cuối năm.

3.2. Nâng cao chất lượng mũi nhọn.

Phân công giáo viên giỏi, có nhiều kinh nghiệm và thành tích dạy các lớp chất lượng cao. Định hướng công tác bồi dưỡng, tạo nguồn cho các đội tuyển học sinh giỏi của huyện ngay từ năm đầu cấp. Hàng năm giao chỉ tiêu chất lượng mũi nhọn đối với nhà trường và giáo viên dạy các lớp chất lượng cao để đánh giá cuối năm.

Đối với học sinh lớp chất lượng cao, vào cuối mỗi năm học nhà trường thực hiện rà soát, kiểm tra, đánh giá để loại khoảng 10% học sinh không đạt yêu cầu và bổ sung những học sinh giỏi, xuất sắc vào học tại trường để tạo động lực phấn đấu và nâng cao chất lượng của học sinh trong lớp chất lượng cao.

4. Tăng cường xây dựng CSVC, trang thiết bị dạy học

Phòng GD&ĐT tham mưu UBND huyện ban hành phương án hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng CSVC, bổ sung trang thiết bị dạy học cho nhà trường. UBND huyện Triệu Sơn ưu tiên đầu tư, nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để bổ sung, xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu mục tiêu của đề án.

5. Tăng cường công tác khuyến khích, động viên, khen thưởng giáo viên và học sinh có thành tích cao trong giảng dạy và học tập, thu hút học sinh giỏi vào học tại trường.

Phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND huyện trình Ban thường vụ huyện uỷ phương án khen thưởng giáo viên và học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia giai đoạn 2022-2026.

Hàng năm Phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND huyện trình Ban thường vụ huyện uỷ phương án hỗ trợ kinh phí hoạt động chuyên môn; thu hút giáo viên giỏi; học sinh giỏi về giảng dạy và học tập tại trường THCS Triệu Thị Trinh.

Tăng cường công tác xã hội hoá giáo dục bổ sung nguồn kinh phí khen thưởng hằng năm cho giáo viên và học sinh.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Dự kiến tổng kinh phí

Dự kiến tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị: **32.743.000.000 đồng** (chưa tính kinh phí hàng năm hỗ trợ hoạt động chuyên môn và thu hút giáo viên giỏi, học sinh giỏi về giảng dạy và học tập tại trường). Trong đó:

- Kinh phí đầu tư của huyện: 31.993.000.000 đồng;
- Nguồn kinh phí xã hội hóa: 750.000.000 đồng.

2. Phân kỳ đầu tư hàng năm

- **Năm 2021:** dự kiến kinh phí đầu tư 15.488.000.000 đồng.

- **Năm 2022:** dự kiến kinh phí đầu tư 5.532.000.000 đồng.
 - **Năm 2023:** dự kiến kinh phí đầu tư 15.994.500.000 đồng.
 - **Năm 2024:** dự kiến kinh phí đầu tư 11.216.500.000 đồng.
- (chi tiết ở phụ lục 9 kèm theo)

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan và UBND Thị trấn Triệu Sơn tham mưu UBND Huyện xây dựng kế hoạch thực hiện đề án.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện đề án, định kỳ hàng năm và 5 năm báo cáo UBND huyện để chỉ đạo.
- Chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Nội vụ xây dựng mức khen thưởng CBGV, học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia, xây dựng phương án khuyến khích thu hút giáo viên giỏi, học sinh giỏi về giảng dạy và học tập tại trường THCS Triệu Thị Trinh.
- Chủ động phối hợp với Phòng Nội vụ xây dựng tiêu chí, tuyển chọn, bổ sung đội ngũ (CBQL, giáo viên, nhân viên) theo quy định và đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu đề án.

2. Ban quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND Thị trấn Triệu Sơn và các phòng liên quan, tham mưu cho UBND huyện về thiết kế, quy hoạch, lộ trình xây dựng và triển khai đầu tư xây dựng CSVC nhà trường.

3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND Thị trấn Triệu Sơn và các phòng liên quan, tham mưu cho UBND huyện về thẩm định thiết kế, quy hoạch, lộ trình xây dựng và triển khai đầu tư xây dựng CSVC nhà trường đảm bảo theo quy định.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND huyện cân đối, ưu tiên nguồn vốn để thực hiện đề án, phân kỳ đầu tư xây dựng CSVS; Hướng dẫn thực hiện và kiểm tra giám sát việc chi các khoản kinh phí theo đề án được phê duyệt đúng các qui định hiện hành.

5. Phòng Nội vụ

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng quy trình tuyển chọn, bổ sung đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên.

6. Phòng Tư pháp

Tham mưu cho UBND huyện thẩm định văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

7. Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch và các phòng, ban, ngành, đoàn thể có liên quan

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho UBND huyện thực hiện có hiệu quả đề án.

8. UBND Thị trấn Triệu Sơn

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để mọi người nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn.

9. Đối với trường THCS Triệu Thị Trinh

Căn cứ đề án của huyện, xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường góp phần đạt mục tiêu chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu.

Xây dựng tập thể CBQL, giáo viên đoàn kết, có ý thức trách nhiệm cao, có uy tín với nhân dân, phụ huynh, phấn đấu nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo được chuyển biến có tính đột phá và bền vững về chất lượng xứng tầm với vị thế trường trọng điểm chất lượng cao của huyện.

Trên đây là Đề án xây dựng trường THCS Triệu Thị Trinh thành trường chất lượng cao Huyện Triệu Sơn, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ UBND huyện yêu cầu Trường THCS Triệu Thị Trinh, Phòng GD&ĐT và các phòng ban, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án này./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Các PCT UBND huyện;
- Ban Tổ chức Huyện ủy;
- Như Điều 3 (th/h);
- Lưu: VT, GDĐT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

PHỤ LỤC 1
Kết quả thi HSG cấp tỉnh

TT	Năm học	Toàn huyện			Trường THCS Triệu Thị Trinh	
		Tổng số HS dự thi	Tổng số giải	Xếp thứ	Tổng số giải	Xếp thứ
1	2017-2018	90	53	7	4	4
2	2018-2019	90	59	6	4	4
3	2019-2020		Sở không tổ chức thi HSG tỉnh			
4	2020-2021	90	57	7	4	5

PHỤ LỤC 2

2.1. Thực trạng CSVC, trang thiết bị trường THCS Triệu Thị Trinh

TT	Tên công trình xây dựng	Số lượng	Kiên cố	Bán kiên cố	Diện tích (m ² /phòng)	Tình trạng sử dụng
A	B	C	D	E	G	H
I	Khối phòng hành chính quản trị					
1	Phòng Hiệu trưởng	1	1		16,6	Đã xuống cấp
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	2		16,6	Đã xuống cấp
3	Văn phòng (Phòng họp)	1	1		29	Không đủ diện tích
4	Phòng hành chính	1	1		16,6	Đã xuống cấp
5	Phòng bảo vệ	1	1		10	Đã xuống cấp
6	Khu vệ sinh giáo viên	1	1		9	Không đủ diện tích
7	Khu để xe của cán bộ giáo viên	1	0	1	100	Còn giá trị sử dụng
II	Khối phòng học tập					
1	Dãy nhà 1 tầng, 6 phòng	6	6		43	Không đủ diện tích
	Dãy nhà 1 tầng, 8 phòng	8	8		39	Không đủ diện tích
	Dãy phòng cấp 4	02		02	42,5	Đã xuống cấp, không đủ diện tích
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1		1	42,5	Đã xuống cấp, không đủ diện tích
3	Phòng học bộ môn Mĩ thuật	1		1	42,5	Đã xuống cấp, không đủ diện tích
4	Phòng học bộ môn công nghệ	0				
5	Phòng chuẩn bị	0				
6	Phòng học bộ môn KHTN	0				
7	Phòng chuẩn bị	0				
8	Phòng học bộ môn tin	1		1	42,5	Đã xuống cấp, không đủ diện tích
9	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	0				
10	Phòng Đa chức năng	0				
III	Khối phòng hỗ trợ học tập					
1	Phòng Thư viện	0				
2	Phòng Thiết bị giáo	0				

	dục					
3	Phòng tư vấn học đường và GD học sinh khuyết tật	0				
4	Phòng Truyền thông	0				
5	Phòng Đoàn-Đội	0				
6	Phòng chờ dành cho GV	1		1	35	Đã xuống cấp
IV	Khối phòng phụ trợ					
1	Phòng Tổ chuyên môn TN	0				
2	Phòng Tổ chuyên môn XH	0				
3	Phòng Tổ Văn phòng	0				
4	Phòng y tế	0				
5	Nhà kho	0				
6	Khu để xe cho học sinh			1	140	Còn giá trị sử dụng
7	Khu vệ sinh cho học sinh	1			67	Đảm bảo
8	Cổng trường, hàng rào khuôn viên	1			300	Đã xuống cấp
V	Khu chơi thể dục, thể thao					
1	Sân chơi học sinh (Sân trường)				2000	Đã xuống cấp
2	Sân thể dục					
3	Nhà tập đa năng	0				
4	Bể bơi	0				
VI	Khối phục vụ sinh hoạt					
1	Nhà bếp	0				
2	Khu sơ chế	0				
3	Kho bếp	0				
4	Nhà ăn	0				
5	Phòng thay đồ nhân viên	0				
6	Nhà ở nội trú	0				
7	Phòng quản lý học sinh	0				
8	Phòng sinh hoạt chung	0				

2.2. Thực trạng trang thiết bị dạy học

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng Bộ (cái)	Tình trạng sử dụng
I	Khu nhà hiệu Bộ		
1	Phòng Hiệu trưởng gồm:		
	Tủ đựng hồ sơ	1	Còn giá trị sử dụng
	Bàn ghế tiếp khách	1	Còn giá trị sử dụng
	Bàn ghế làm việc	1	Còn giá trị sử dụng
	Máy tính bàn	1	Còn giá trị sử dụng
2	Phòng phó hiệu trưởng gồm:		
	Tủ đựng hồ sơ	2	Còn giá trị sử dụng
	Bàn ghế tiếp khách	1	Còn giá trị sử dụng
	Bàn ghế làm việc	2	Còn giá trị sử dụng
3	Bàn ghế phòng họp	1	Còn sử dụng tạm
II	Thiết bị khối phòng học		
1	Bảng chống lóa	16	Còn giá trị sử dụng
2	Bàn ghế giáo viên	16	Còn giá trị sử dụng
3	Bàn ghế học sinh	230	Đạt chuẩn
III	Thiết bị khối phòng chức năng		
1	Máy tính phục vụ học tập	28 máy	Còn sử dụng được 11

PHỤ LỤC 3
CSVC, trang thiết bị cần xây dựng, cải tạo, bổ sung

TT	Tên phòng (Công trình)	Thừa (+), thiếu (-)
1	Lý – Công nghệ + phòng chuẩn bị	-1
2	Hóa – Sinh + phòng chuẩn bị	-1
3	Đội	-1
4	Truyền thống	-1
5	Ngoại ngữ	-1
6	Tin học	-1
7	Thư viện	-1
8	Thiết bị	-1
9	Âm nhạc	-1
10	Y tế	-1
11	Nhà tập đa năng	-1
12	Tổ TN	-1
13	Tổ XH	-1
14	Tổ Văn phòng	-1
15	Phòng chờ của GV	-1
16	Bếp ăn bán trú	-1
17	Nhà nghỉ bán trú và nội trú	-1
18	Sân chạy giáo dục thể chất	-1
19	Khu vệ sinh học sinh	-1

PHỤ LỤC 4
THỐNG KÊ SỐ HỌC SINH TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN TRIỆU SƠN NĂM HỌC 2020-2021

TT	Trường	Tổng số HS	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5
1	TH Kim Đồng	712	129	153	182	124	124
2	TH Lê Văn Tám	258	50	56	48	49	55
3	TH Nguyễn Bá Ngọc	464	96	85	105	96	82
Tổng		1434	275	294	335	269	261

PHỤ LỤC 5**DỰ KIẾN TUYỂN SINH TRÊN ĐỊA BÀN THỊ TRẤN TRIỆU SƠN VÀ TOÀN HUYỆN****5.1. Kế hoạch tuyển sinh CLC trên địa bàn thị trấn**

TT	Năm học	Số học sinh của Thị Trấn vào lớp 6	Học tại trường THCS Triệu Thị Trinh				Học tại trường THCS Tô Vĩnh Diện	
			Lớp CLC	Số học sinh	Lớp đại trà	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
1	2021-2022	261	1	39	3	117	3	105
2	2022-2023	269	2	78			5	191
3	2023-2024	335	2	78			7	257
4	2024-2025	294	2	78			6	138

5.2. Kế hoạch tuyển sinh vào lớp chất lượng cao trường THCS Triệu Thị Trinh ngoài địa bàn Thị trấn Triệu Sơn

TT	Năm học	Học tại trường THCS Triệu Thị Trinh	
		Số lớp	Số học sinh
1	2021-2022	1	39
2	2022-2023	2	78
3	2023-2024	2	78
4	2024-2025	2	78

*) Kế hoạch sẽ điều chỉnh cho phù hợp khi trường THCS Tô Vĩnh Diện được UBND Thị trấn Triệu Sơn đầu tư và hoàn thành xây dựng CSVC đảm bảo quy mô tiếp nhận số học sinh đại trà của Thị trấn.

PHỤ LỤC 6
QUY MÔ VỀ CSVC TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH NĂM 2025

TT	Tên công trình xây dựng	Tổng số lượng	Kiên cố	Bán kiên cố	Diện tích (m2)
A	B	C	D	E	E
I	Khối phòng hành chính quản trị				
1	Phòng Hiệu trưởng	1	1		25
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	1		20
3	Văn phòng (Phòng họp)	1	1		80
4	Phòng bảo vệ	1	1		15
5	Khu vệ sinh giáo viên	1	1		30
6	Khu để xe của cán bộ giáo viên			1	100
II	Khối phòng học tập				
1	Phòng học	16	16		960
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1		90
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1		90
4	Phòng học bộ môn công nghệ	1	1		70
5	Phòng chuẩn bị	1	1		20
6	Phòng học bộ môn KHTN	1	1		70
7	Phòng chuẩn bị	1	1		20
8	Phòng học bộ môn tin	1	1		74
9	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1		74
10	Phòng Đa chức năng	1	1		74
III	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Phòng Thư viện	1	1		60
2	Phòng Thiết bị giáo dục	1	1		48

3	Phòng tư vấn học đường và GD học sinh khuyết tật	1	1		24
4	Phòng Truyền thông	1	1		48
5	Phòng Đoàn-Đội	1	1		40
IV	Khối phòng phụ trợ				
1	Phòng Tổ chuyên môn TN	1	1		30
2	Phòng Tổ chuyên môn XH	1	1		30
3	Phòng Tổ Văn phòng	1	1		30
4	Phòng y tế	1	1		24
5	Nhà kho	1	1		48
6	Khu để xe cho học sinh			1	270
7	Khu vệ sinh cho học sinh	1	1		38
8	Công trường, hàng rào khuôn viên	1	1		300
V	Khu chơi thể dục, thể thao				
1	Sân chơi học sinh (Sân trường)	1			2000
2	Sân thể dục	1			1000
3	Nhà tập đa năng	1			470
VI	Khối phục vụ sinh hoạt				
1	Nhà bếp	1	1		60
2	Khu sơ chế	1	1		30
3	Kho bếp	1	1		12
4	Nhà ăn	1	1		150
5	Phòng thay đồ nhân viên	1	1		12
6	Nhà ở nội trú	1	1		400
7	Phòng quản lý học sinh	1	1		12
8	Phòng sinh hoạt chung	1	1		40

PHỤ LỤC 7
7.1. XÂY DỰNG CSVC TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH THEO TỪNG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình xây dựng	Số lượng	Kiên cố	Bán kiên cố	Diện tích (m ²)	Giá tiền /m ²	Thành tiền
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>E</i>	<i>F</i>	<i>G</i>	<i>H</i>
I	Năm 2021						4.572
1.	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1		90	9	810
2.	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1		90	9	810
3.	Phòng học bộ môn công nghệ	1	1		70	9	630
4.	Phòng chuẩn bị	1	1		20	9	180
5.	Phòng học bộ môn KHTN	1	1		70	9	630
6.	Phòng chuẩn bị	1	1		20	9	180
7.	Phòng học bộ môn tin	1	1		74	9	666
8.	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1		74	9	666
II	Năm 2022						14.104
1.	Phòng học	16	16		960	9	8640
2.	Phòng Hiệu trưởng	1	1		25	9	225
3.	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	1		20	9	180
4.	Văn phòng (Phòng họp)	1	1		80	9	720
5.	Phòng bảo vệ	1	1		15	9	135
6.	Khu vệ sinh giáo viên	1	1		30	9	270
7.	Khu để xe của cán bộ giáo viên			1	100	1	100
8.	Phòng Thư viện	1	1		60	9	540
9.	Phòng Thiết bị giáo dục	1	1		48	9	432
10.	Phòng Truyền thông	1	1		48	9	432
11.	Phòng Đoàn-Đội	1	1		40	9	360

12.	Phòng Tổ chuyên môn TN	1	1		30	9	270
13.	Phòng Tổ chuyên môn XH	1	1		30	9	270
14.	Phòng Tổ Văn phòng	1	1		30	9	270
15.	Phòng y tế	1	1		24	9	216
16.	Nhà kho	1	1		48	9	432
17.	Khu để xe cho học sinh			1	270	1	270
18.	Khu vệ sinh cho học sinh	1	1		38	9	342
III	Năm 2023						10.636
1.	Nhà bếp	1	1		60	7	420
2.	Khu sơ chế	1	1		30	7	210
3.	Kho bếp	1	1		12	7	84
4.	Nhà ăn	1	1		150	7	1050
5.	Phòng thay đồ nhân viên	1	1		12	7	84
6.	Nhà ở nội trú	1	1		400	7	2800
7.	Phòng quản lý học sinh	1	1		12	7	84
8.	Phòng sinh hoạt chung	1	1		40	7	280
9.	Cổng trường, hàng rào khuôn viên	1	1		300	2	600
10.	Sân chơi học sinh (Sân trường)				2000	0,3	600
11.	Sân thể dục				1000	0,3	300
12.	Phòng Đa chức năng	1	1		74	9	666
13.	Phòng tư vấn học đường và GD học sinh khuyết tật	1	1		24	7	168
14.	Nhà tập đa năng	1	1	1	470	7	3.290
TỔNG							29.312

7.2. KẾ HOẠCH BỔ SUNG TRANG THIẾT BỊ TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH THEO TỪNG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên thiết bị cho từng loại phòng	Số lượng (Bộ, chiếc)	Đơn giá (Bộ, chiếc)	Thành tiền (Triệu đồng)	Ghi chú
NĂM 2021				960	
I	Thiết bị cho 16 phòng học			960	
1	Bàn ghế GV	6	2,5	15	
2	Bảng từ	6	3	18	
3	Bàn ghế học sinh (6 phòng)	138	1,5	207	
4	Máy chiếu	16	30	480	
5	Máy tính để bàn trang bị cho các phòng học	16	15	240	
NĂM 2022				1890,5	
II	Thiết bị phòng GD âm nhạc			85	
1	Bàn ghế GV	1	2,5	2,5	
2	Bảng từ	1	3	3	
3	Bàn ghế học sinh	23	1,5	34,5	
4	Gương	1	5	5	
5	Thiết bị âm thanh	1	5	5	
6	Ti vi 65 icnh	1	25	25	
7	Giá đựng đạo cụ	2	5	10	
III	Thiết bị phòng Mĩ thuật			50,5	
1	Bàn ghế GV	1	2,5	2,5	
2	Bảng từ	1	3	3	
3	Giá vẽ	45	0,5	22,5	
4	Ghế ngồi vẽ	45	0,5	22,5	
IV	Thiết bị phòng bộ môn Lý - CN			227,5	
1	Bàn ghế GV	1	2,5	2,5	
2	Thiết bị phòng công nghệ	1	225	225	
V	Thiết bị phòng chuẩn bị			50	
1	Thiết bị	1	50	50	
	Thiết bị phòng bộ môn Hóa - Sinh			227,5	
1	Bàn ghế GV	1	2,5	2,5	
2	Thiết bị phòng Khoa học tự nhiên	1	225	225	
VI	Thiết bị phòng chuẩn bị			50	
1	Thiết bị	1	50	50	
VII	Thiết bị phòng GD Tin học			405,5	
1	Bàn ghế GV	1	2,5	2,5	
2	Bảng từ	1	3	3	

3	Ti vi 65 icnh	1	25	25
4	Máy tính xách tay cho GV	1	25	25
5	Bàn để máy	20	2,5	50
6	Máy tính	20	15	300
VIII	Thiết bị phòng ngoại ngữ			300
1	Thiết bị	1	300	300
IX	Phòng Hiệu trưởng			15
1	Bàn ghế tiếp khách	1	10	10
	Tủ đựng tài liệu	1	5	5
X	Phòng Phó Hiệu trưởng			10
2	Tủ đựng tài liệu	2	5	10
XI	Phòng họp			83
1	Phòng trang trí	1	3	3
2	Tượng Bác	1	2	2
3	Bàn ghế	1	50	50
4	Bảng từ	1	3	3
5	Ti vi 65 icnh	1	25	25
XII	Phòng bảo vệ			4
1	Giường	1	2	2
2	Bàn ghế làm việc	1	2	2
XIII	Thiết bị phòng thư viện			73
1	Bàn ghế thủ thư	1	2,5	2,5
2	Bảng từ	1	3	3
3	Máy tính	1	15	15
4	Bàn ghế đọc của học sinh	25	1,5	37,5
5	Bàn ghế đọc của giáo viên	10	1,5	15
XIV	Kho thiết bị			50
1	Giá để sách	5	4,5	22,5
2	Tủ đựng đồ dùng	3	5	15
3	Giá treo tranh	5	2,5	12,5
XV	Thiết bị phòng truyền thống			41,5
1	Khung ảnh	5	1	5
2	Giá treo giấy khen	5	0,3	1,5
3	Tủ trưng bày	1	20	20
4	Các loại khác			15
XVI	Thiết bị phòng tổ TN			65
1	Bàn ghế làm việc	1	20	20
2	Máy tính	1	15	15
3	Ti vi 65 icnh	1	25	25
4	Tủ tài liệu	1	5	5
XVII	Thiết bị phòng tổ XH			65
1	Bàn ghế làm việc	1	20	20

2	Máy tính	1	15	15	
3	Ti vi 65 icnh	1	25	25	
4	Tủ tài liệu	1	5	5	
XIX	Thiết bị phòng Tổ văn phòng			65	
1	Bàn ghế làm việc	1	20	20	
2	Máy tính	1	15	15	
3	Ti vi 65 icnh	1	25	25	
4	Tủ tài liệu	1	5	5	
XX	Thiết bị phòng Tài vụ			23	
1	bàn ghế làm việc	1	3	3	
2	Máy tính	1	15	15	
3	Tủ tài liệu	1	5	5	
	NĂM 2023			580,5	
XXI	Trang thiết bị bếp ăn bán trú			500	
XXII	Thiết bị phòng đa năng			80,5	
1	Bàn ghế GV	1	2,5	2.5	
2	Bảng từ	1	3	3	
3	Ti vi 65 icnh	1	25	25	
4	Các thiết bị khác	1	50	50	
Tổng				3.431	

PHỤ LỤC 8
NHU CẦU TUYỂN DỤNG BỔ SUNG CBQL, GIÁO VIÊN DẠY CÁC MÔN THI HSG TỈNH
TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH GIAI ĐOẠN 2021-2025

TT	Môn	Nhu cầu	Nhu cầu bổ sung NH 2021-2022	Nhu cầu bổ sung NH 2022-2023	Nhu cầu bổ sung NH 2023-2024	Ghi chú
1	Quản lý	2	2			
2	Nhân viên	2				
3	Toán	5	1	2	2	
4	Vật lý	2	1	1		
5	Hóa học	1		1		
6	Sinh học	2	1	1		
7	Ngữ văn	5	1	2	2	
8	Lịch sử	1		1		
9	Địa lý	1		1		
10	GDCD	1	1			
11	Công nghệ	1				
12	Âm nhạc	2				
13	Mỹ thuật	1				
14	Thể dục	2				
15	Tiếng Anh	4		2	2	
16	Tin học	1				
17	Đội	1				
Tổng cộng		34	7	11	6	

* Nhân viên và giáo viên các bộ môn đặc thù tại trường THCS Triệu Thị Trinh giữ nguyên.

PHỤ LỤC 9
DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ HÀNG NĂM

9.1. DỰ KIẾN KINH PHÍ ĐẦU TƯ

Năm	Kinh phí đầu tư xây dựng CSVC	Kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị	Tổng
2021	4.572.000.000	960.000.000	5.532.000.000
2022	14.104.000.000	1.890.500.000	15.994.500.000
2023	10.636.000.000	580.500.000	11.216.500.000
Giai đoạn 2021-2024	29.312.000.000	3.431.000.000	32.743.000.000

9.2. DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ

Năm	Kinh phí từ nguồn ngân sách huyện	Kinh phí từ nguồn XHH của nhà trường	Tổng
2021	5.282.000.000	250.000.000	5.532.000.000
2022	15.744.500.000	250.000.000	15.994.500.000
2023	10.966.500.000	250.000.000	11.216.500.000
Giai đoạn 2021-2024	31.993.000.000	750.000.000	32.743.000.000

PHỤ LỤC 10

DỰ KIẾN MỨC HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. ĐỐI VỚI TRƯỜNG THCS TRIỆU THỊ TRINH

1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng, giáo dục thể chất, trải nghiệm, hoạt động chuyên môn...

Mức hỗ trợ: 200.000.000 đồng/năm

2. Hỗ trợ tiền dạy bồi dưỡng các tạo nguồn đội tuyển học sinh giỏi các khối 6, 7, 8 hàng năm

- Định mức 350.000 đồng/buổi/môn

- Mỗi môn học 2 buổi/ tuần, học 37 tuần trong năm học.

II. ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

Hỗ trợ giáo viên về công tác tại trường THCS Triệu Thị Trinh qua hình thức thi tuyển, xét tuyển, điều động dạy các lớp chất lượng cao được hỗ trợ ban đầu, một lần với mức kinh phí là 50.000.000đ/ người.

III. ĐỐI VỚI HỌC SINH TRONG LỚP CHẤT LƯỢNG CAO

1. Chế độ học bổng

- Đối tượng:

+ Năm học 2021-2022: 100% học sinh giỏi toàn diện trong lớp chất lượng cao của nhà trường

+ Từ năm học 2022-2023: 50% học sinh giỏi toàn diện trong lớp chất lượng cao của nhà trường

- Định mức: 200.000đ/hs/tháng.

- Thời gian hưởng học bổng: cấp theo từng học kì và cấp 10 tháng cho mỗi năm học.

2. Hỗ trợ tiền xe cho học sinh ở xa

a) *Đối tượng áp dụng*: Hàng năm trợ cấp cho học sinh cư trú ở các xã ngoài địa bàn Thị trấn Triệu Sơn, đạt học lực loại giỏi.

b) *Mức trợ cấp*: 200.000 đồng/tháng

c) *Thời gian hưởng*: cấp theo học kì, cấp 10 tháng cho mỗi năm học

IV. DỰ KIẾN TỔNG KINH PHÍ HỖ TRỢ

Năm học	Hỗ trợ các hoạt động của nhà trường	Hỗ trợ 1 lần cho GV về dạy các lớp CLC	Hỗ trợ kinh phí dạy bồi dưỡng tạo nguồn HSG	Hỗ trợ học bổng cho HS	Hỗ trợ tiền xe cho HS	Tổng
2021-2022	200.000.000	250.000.000	466.200.000	234.000.000	156.000.000	1.306.200.000

2022-2023	200.000.000	550.000.000	699.300.000	390.000.000	390.000.000	2.229.300.000
2023-2024	200.000.000	300.000.000	699.300.000	624.000.000	624.000.000	2.447.300.000
2024-2025	200.000.000		699.300.000	624.000.000	624.000.000	2.147.300.000
Giai đoạn 2021-2025	800.000.000	1.100.000.000	2.564.100.000	1.872.000.000	1.794.000.000	8.130.100.000